

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Nguyễn Đình Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2021/HNGĐ- ST, ngày 03 tháng 12 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX - HNGĐ, ngày 12/01/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Phố ul, quận Z, thủ đô W, CH B (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Đình N, sinh năm 1980

Địa chỉ tại: Thôn 10, xã Cẩm Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

(Hiện đang lao động tại Malaysia - Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đàm Thị Thảo trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Phan Đình N là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2008 tại UBND xã Cẩm Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cho đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không cùng suy nghĩ và không hợp nhau trong cuộc sống. Năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân và chị Đàm Thị T sang nước ngoài làm ăn cho đến nay. Mặc dù vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Đàm Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị yêu cầu

Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Đình N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phan Thị Quỳnh P, sinh ngày 10/11/2009. Hiện nay cháu Phan Thị Quỳnh P đang do bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị Đàm Thị T chăm sóc. Chị Đàm Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Phan Đình N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, do hiện nay chị T đang làm ăn ở nước ngoài nên chị có yêu cầu Tòa án tạm thời giao cháu Phan Thị Quỳnh P cho mẹ đẻ của chị là bà Nguyễn Thị H chăm sóc trong thời gian chị đang ở nước ngoài.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Đàm Thị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị vì lý do điều kiện công việc cũng như tình hình dịch Covid nên chị không thể về để tham gia giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh Phan Đình N, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng và được người thân của anh nhận thay. Quá trình xác minh người thân của anh Ng cung cấp thông tin hiện nay anh đang lao động tại Malaysia nhưng anh không cung cấp địa chỉ cụ thể. Anh N đã biết việc chị Đàm Thị T làm đơn xin ly hôn và anh cũng hoàn toàn nhất trí như yêu cầu ly hôn của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đàm Thị T. Về tình cảm: Xử cho chị Đàm Thị T được ly hôn với anh Phan Đình N; về con chung: Giao cháu Phan Thị Quỳnh P, sinh ngày 10/11/2009 cho chị Đàm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phan Đình N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và anh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, do điều kiện chị Thảo đang ở nước ngoài nên tạm thời giao cháu Phan Thị Quỳnh P cho mẹ đẻ của chị T là bà Nguyễn Thị H chăm sóc. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, được biết bị đơn là anh Phan Đình N hiện đang lao động ở nước ngoài. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh về anh Phan Đình N. Tại Công văn số 30712/QLXNC - P5, ngày 14/12/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận ngày 04/8/2010 anh Phan Đình N, sinh ngày 10/8/1980 đã xuất cảnh và nhập cảnh về nước vào ngày 28/01/2019. Tuy nhiên, qua xác minh

thì người thân của anh Phan Đình N cho biết anh N có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nhưng hiện nay anh N đang lao động tự do tại Malaysia. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Phan Đình N thông qua người thân của anh là ông Phan Đình T và chị Lê Thị T là chú ruột và em dâu của anh Phan Đình N vì hiện nay bố mẹ anh N đều đã chết, các anh chị em làm ăn ở xa. Theo đó, ông Phan Đình T và chị Lê Thị T cho biết anh Phan Đình N và chị Đàm Thị T là vợ chồng nhưng hiện nay hai người đã không sống cùng nhau nữa. Năm 2010, anh N sang Malaysia làm ăn cho đến nay. Từ khi đi nước ngoài làm ăn, anh N thường liên lạc về với gia đình thông qua điện thoại và anh chỉ nói đang ở Malaysia. Về địa chỉ cụ thể của anh như thế nào ở Malaysia thì anh không nói nên gia đình không biết để cung cấp cho Tòa án. Việc chị Đàm Thị T làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con thì anh Phan Đình N cũng đã biết. Quá trình xác minh, ông Phan Đình T và chị Lê Thị T đã kết nối điện thoại thông qua ứng dụng messenger tên người gọi “Ngoc phuong” được ông Phan Đình T, chị Lê Thị T và đại diện chính quyền địa phương xác nhận người gọi là anh Phan Đình N. Qua đó, anh Phan Đình N cho biết anh và chị Đàm Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã C. Hiện nay anh đang lao động tự do tại Malaysia, chỗ làm không cố định nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho tòa án. Nay anh đã biết việc chị T làm đơn xin ly hôn, nuôi con và anh hoàn toàn đồng ý vì vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Về con chung là cháu Phan Thị Quỳnh P, anh N đồng ý giao cho chị Đàm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì bản thân anh cũng đang ở nước ngoài. Đồng thời anh cũng nhất trí như yêu cầu của chị T về việc giao con chung giữa hai người cho mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị H chăm sóc.

Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; nguyên đơn chị Đàm Thị T cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thảo và anh N theo quy định.

2. Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Đàm Thị T và anh Phan Đình N có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2008 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc nên hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không cùng suy nghĩ và vợ chồng sống ly thân từ lâu. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị Đàm Thị T và anh Phan Đình N không đạt được mục đích đó. Mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng và hai người cũng đã cắt đứt liên lạc với nhau. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị T và anh Phan Đình N để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Thị Quỳnh P, sinh ngày 10/11/2009. Chị Đàm Thị T và anh Phan Đình N cùng thống nhất giao cháu Phan Thị Quỳnh P cho chị Đàm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm thời giao cho mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị H, trú tại xóm Ngọc Sơn, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Xét thấy, các đương sự đều có nguyện vọng giao con cho chị Đàm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng chị T hiện đang làm ăn ở xa và cháu Phương đang được mẹ đẻ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như xáo trộn cuộc sống của cháu Phan Thị Quỳnh P nên cần tạm thời giao cháu cho mẹ đẻ chị Đàm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T đang làm ăn ở nước ngoài là phù hợp. Anh Phan Đình N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đàm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đàm Thị T được ly hôn với anh Phan Đình N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Quỳnh P, sinh ngày 10/11/2009 cho chị Đàm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phan Thị Quỳnh P tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian chị Đàm Thị T đang lao động tại Ba Lan, tạm thời giao cháu Phan Thị Quỳnh P cho mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị H, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Yên, tỉnh Nghệ An chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước. Anh Phan Đình N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00000013, ngày 22/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lam

